

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn đối với 05 Hệ thống cấp nước
do Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường
nông thôn Thanh Hóa quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 2246/SXD-HT ngày 12/5/2015 Báo cáo kết quả thẩm định Kế hoạch cấp nước an toàn đối với 05 Hệ thống cấp nước do Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn đối với 05 hệ thống cấp nước do Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa đang quản lý với những nội dung sau đây:

I. Tên đơn vị quản lý hệ thống cấp nước: Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

II. Mục tiêu:

1. Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, cung cấp ổn định, đủ lượng nước và đảm bảo chất lượng nước cấp theo quy định.

2. Có các giải pháp đối phó với các sự cố bất thường và các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong toàn bộ quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn đến khách hàng sử dụng nước.

3. Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

4. Góp phần giảm tỉ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

III. Nội dung Kế hoạch cấp nước an toàn

1. Hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước

- Tổng số hệ thống cấp nước : 05 công trình;
- Tổng công suất thiết kế : 4.290 m³;
- Tổng công suất khai thác : 3.480 m³;
- Tổng chiều dài hệ thống đường ống : 283,056 km. Trong đó:
 - + Ống phân phối, : 60,615 km;
 - + Ống nhánh : 77,043 km;
 - + Ống nối hộ gia đình : 145,398 km.

(Chi tiết theo phụ biểu 01 kèm theo)

2. Xác định, phân tích và đánh giá mức độ nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước

- Xác định các nguy cơ rủi ro từ nguồn nước, lưu vực;
- Xác định các nguy cơ, rủi ro về mặt hóa học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước;
- Xác định các nguy cơ, rủi ro đối với việc đảm bảo cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước;
- Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa, bao gồm:
 - + Nguy cơ về ô nhiễm, biến động, suy giảm nguồn nước;
 - + Nguy cơ xảy ra tại khu vực nhà máy và trạm xử lý;
 - + Nguy cơ về các sự cố trên mạng lưới đường ống cấp nước;
 - + Nguy cơ về ý thức sử dụng nước của khách hàng;
 - + Nguy cơ về sự cố mất điện, cắt điện luân phiên, giảm tải của ngành điện.

3. Các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và kế hoạch triển khai áp dụng

Các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa bổ sung, gồm: Tuyên truyền, giáo dục Luật Tài nguyên và Môi trường; Kiểm tra, theo dõi, giám sát nguồn nước; Lắp đặt thiết bị kiểm tra, báo tự động đối với Trạm bơm cấp I (bơm chìm) và trạm bơm cấp II; Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và kiểm tra bất thường đối với bể lọc, khử trùng, bể chứa nước sạch, hệ thống mạng, hồ van, đồng hồ đo và các biện pháp nghiệp vụ khác.

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro

Các hoạt động	Mô tả	Tần suất	Trách nhiệm	Hồ sơ
Kiểm tra và đánh giá nội bộ	Việc kiểm tra, đánh giá do Ban cấp nước an toàn của Trung tâm tiến hành theo kế hoạch lập trước hoặc đột xuất	3 tháng/ 1 lần	Ban CNAT của Trung tâm; Thủ trưởng các chi nhánh cấp nước trực thuộc.	Lưu tại Trạm tư vấn dịch vụ và Chuyển giao công nghệ (TVDV&CGCN)
Kiểm tra, theo dõi của cơ quan y tế địa phương Kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh, lý hóa của nước	Cán bộ cơ quan Y tế dự phòng Tỉnh tiến hành kiểm tra, lấy mẫu để xét nghiệm các chỉ tiêu quan trọng của nước thành phẩm	1 tháng/ 1 lần	Trung tâm Y tế dự phòng Thanh Hóa	Lưu tại TTYTDP; Trạm TVDV&CGCN
Kiểm tra, theo dõi của Trưởng chi nhánh, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật	Kiểm tra việc thực hiện các quy định, các quy trình vận hành, quy trình kiểm tra và hướng dẫn thao tác của công nhân tại các công đoạn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ	Hàng ngày; các ca hoặc đột xuất	Cán bộ quản lý, cán bộ TVDV&CGCN cán bộ kỹ thuật các chi nhánh cấp nước.	Trạm TVDV&CGCN; các chi nhánh cấp nước.

5. Kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp

Bảo đảm thông tin liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng; Xác định nguyên nhân sự cố; Xác định các hành động cần thiết để ứng phó sự cố; Thực hiện các hành động ứng phó; Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước; Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài; Giải trình, báo cáo; Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục; Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai.

Trách nhiệm thực hiện: Ban chỉ đạo cấp nước an toàn của Trung tâm NSH&VSMTNT, Trưởng trạm TVDV&CGCN, Trưởng các chi nhánh, cán bộ kỹ thuật và công nhân viên của Trung tâm.

6. Các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

Chất lượng nước phải đạt chất lượng theo quy định TCVN 5502 : 2003 - Nước sinh hoạt - Yêu cầu chất lượng; QCVN 01 : 2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt; QCVN 02 : 2009/BYT

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

7. Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn

- Lập danh mục các văn bản tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn;

- Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu, bao gồm: Tài liệu nội bộ và tài liệu bên ngoài. Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ đảm bảo yêu cầu quy định; đồng thời đáp ứng yêu cầu đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước.

- Có cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng.

8. Các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai (theo định kỳ hàng năm)

a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCN, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố.

b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn.

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm.

(Chi tiết theo phụ biểu số 02 kèm theo)

9. Kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn

Việc đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn được thực hiện 01 năm một lần; thời gian thực hiện: Tháng 12 hàng năm.

10. Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được tính vào chi phí trong giá nước tiêu thụ trên cơ sở lập, thẩm định, trình duyệt theo quy định của pháp luật.

11. Các nội dung khác: Theo Kế hoạch cấp nước an toàn do Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa lập kèm theo Tờ trình số 196/TTr-TTN ngày 13/3/2015, đã được Sở xây dựng Thanh Hóa thẩm định tại văn bản số 2246/SXD-HT ngày 12/5/2015.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Xây dựng chỉ đạo Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa bổ sung, hoàn chỉnh các nội dung theo ý kiến tham gia của các Sở, ngành và kiểm tra, đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý và thực hiện.

- Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn đã được phê duyệt tại Quyết định này; định kỳ rà soát, đề xuất điều chỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

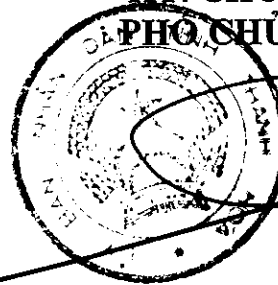
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các thành viên Ban chỉ đạo cấp nước an toàn tỉnh; Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa; Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu 01: BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG 05 CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số **4039** /QĐ-UBND ngày **04/6/2015** của UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên công trình	C.suất thiết kế m ³ /ng.đ	Năm đưa vào sử dụng	C.suất khai thác m ³ /ng.đ	Đu trừ	Nguồn cấp, vị trí cấp	Phạm vi cấp nước	Lường ống, chất liệu	Số hộ dùng nước năm 2014
1	Xã Vĩnh Thành và TT Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc	1.350	2006	1.240	Không	Nước dưới đất. Thôn 6 xã Vĩnh Thành	Xã Vĩnh Thành và thị trấn Vĩnh Lộc	L = 91,82km, gồm: - Ống C1(DN300-DN50): 13,85km; - Ống C2 (DN40): 15,97 km; - Ống nối hộ gia đình (DN20): 62,0 km	2.312 hộ Trong đó: - Cơ quan: 48 hộ. - Hộ gia đình: 2.264 hộ.
2	Thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa	760	2004	760	Không	Nước dưới đất. Tiểu khu 12, thị trấn Vạn Hà	Khu vực thị trấn Vạn Hà	L = 59,769 km, gồm: - Ống C1(DN250-DN50): 21,969km; - Ống C2 (DN40):13,2 km; - Ống nối hộ gia đình (DN20): 24,6 km.	2.184 hộ Trong đó: - Hộ cơ quan: 49 hộ; - Hộ gia đình: 2.135 hộ
3	Xã Định Tường, huyện Yên Định	660	2006	660	Không	Nước dưới đất. Thôn Thành Phú, xã Định Tường	Khu vực xã Định Tường	L = 49,94 km, gồm: - Ống C1 (DN200-DN50): 7,68 km; - Ống C2 (DN 40): 11,86km; - Ống nối hộ gia đình (DN 20): 30,4 km.	1.821 hộ Trong đó: - Cơ quan: 05 hộ. - Hộ gia đình: 1.816 hộ
4	Xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống	320	2006	320	Không	Nước dưới đất. Thôn Giản Hiền, xã Vạn Thắng	Khu vực xã Vạn Thắng	L = 28,56 km, gồm: - Ống C1 (DN200-DN50): 7,13 km; - Ống C2 (DN 40): 6,03 km; - Ống nối hộ gia đình (DN 20): 15,4 km.	575 hộ Trong đó: - Cơ quan: 07 hộ - Hộ gia đình 568 hộ
5	Xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc	1.200	2006	500	Không	Nước dưới đất; Thôn Bùi, xã Tiên Lộc	Khu vực xã Tiên Lộc	L= 52,967 km - Ống C1 (DN160-DN90): 9,986 km; - Ống C2 (DN63-DN50): 29,983km; - Ống nối hộ gia đình (DN21): 12,998 km.	2.073 hộ Trong đó: - Cơ quan: 05 hộ - Hộ gia đình 2.069 hộ

Phụ biểu 02: CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

(Kèm theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của UBND tỉnh)

a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCN, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố (theo định kỳ hàng năm)

T.T	Nội dung	Phương thức thực hiện	Nhân lực thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn
1	Xúc xả các tuyến ống	Tự thực hiện	Các chi nhánh cấp nước	60	Trung tâm
2	Duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.	Tự thực hiện	Các chi nhánh cấp nước	130	Trung tâm
3	Sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ	Tự thực hiện	Các chi nhánh cấp nước	150	Trung tâm
4	Thổi rửa giếng khoan khai thác	Tự thực hiện	Các chi nhánh cấp nước	100	Trung tâm
5	Kiểm tra chất lượng nước thành phẩm	Tự thực hiện	Phòng xét nghiệm nước của Trung tâm	100	Trung tâm
6	Hợp đồng với Trung tâm y tế dự phòng Tỉnh kiểm tra định kỳ và tư vấn về chất lượng nước	Theo hợp đồng kinh tế	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	100	Trung tâm
7	Khám sức khỏe hàng năm cho CBCNV có liên quan đến hoạt động sản xuất tại các nhà máy để loại trừ bệnh truyền nhiễm	Theo hợp đồng kinh tế	Trung tâm Y tế huyện	05	Trung tâm
8	Phòng chống & khắc phục ô nhiễm môi trường nguồn nước; Vệ sinh môi trường tại các chi nhánh	Tự thực hiện	Các đơn vị cấp nước	10	Trung tâm
	Cộng			655	

b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn (theo định kỳ hàng năm)

T.T	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Kinh phí (Tr.đồng)	Nguồn vốn
1	Đào tạo các chuyên gia đánh giá	Đơn vị Tư vấn	10	Trung tâm
2	Đánh giá nội bộ	Ban cấp nước an toàn Trung tâm	10	Trung tâm
3	Khắc phục sau đánh giá	Các đơn vị cấp nước	05	Trung tâm
4	Chuẩn bị báo cáo	Ban cấp nước an toàn Trung tâm	02	Trung tâm
5	Tổ chức hội thảo; hội nghị	Ban cấp nước an toàn Trung tâm	10	Trung tâm
6	Báo cáo Ban cấp nước an toàn Tỉnh	Ban cấp nước an toàn Trung tâm	03	Trung tâm
Cộng:			40	

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn (theo định kỳ hàng năm)

T.T	Nội dung	Phương thức thực hiện	Nhân lực thực hiện	Kinh phí (Tr.đồng)	Nguồn vốn
1	Chuẩn hóa giáo trình & thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho Công nhân vận hành đáp ứng nhiệm vụ được giao	Tự thực hiện	Trạm TVDV&CGCN và Phòng KH-KT thuộc Trung tâm	10	Trung tâm
2	Tập huấn về cấp nước an toàn cho CBCNV	Tự thực hiện	Trạm TVDV&CGCN và Phòng KH - KT	05	Trung tâm
3	Bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phòng hóa nghiệm	Tự thực hiện và Hợp đồng	Các Trung tâm đào tạo trong nước	10	Trung tâm
4	Tổ chức thi sát hạch cho Cán bộ, công nhân về cấp nước an toàn	Tự thực hiện	Trạm TVDV&CGCN và Phòng KH - KT thuộc Trung tâm	10	Trung tâm
Cộng:				35	

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm

TT	Nội dung	Phương thức thực hiện	Nhân lực thực hiện	Kinh phí (Tr.đồng)	Nguồn vốn
1	Tổ chức hội nghị khách hàng khảo sát, thu thập thông tin, lấy ý kiến của khách hàng thông qua Hội nghị khách hàng hoặc phiếu thu thập thông tin	Tự thực hiện	Trạm TVDV&CGC N Phòng TC - HC	20	Trung tâm
2	Cung cấp các thông tin về sản xuất, cung cấp nước và các hoạt động của Trung tâm trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát hành tờ rơi tuyên truyền trong công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, nâng cao nhận thức về lợi ích của nước sạch đối với đời sống, sản xuất và ý thức sử dụng nước tiết kiệm	Phối hợp thực hiện	Trung tâm và Đài truyền thanh xã, đài truyền hình huyện	20	Trung tâm
	Cộng			40	

(Ghi chú: Kinh phí tại các mục a, b, c, đ nêu trên là dự kiến. Việc lập, thẩm định và phê duyệt kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật).